

Số: 1069/TBHH-CVHHKG

An Giang, ngày 28 tháng 8 năm 2026

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Về khu vực thi công công trình “Dự án Nâng cấp hạ tầng đảo Thổ Chu”**  
**trên vùng biển đặc khu Thổ Châu, tỉnh An Giang**

**Vùng biển:** Đặc khu Thổ Châu, tỉnh An Giang.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Xét Đơn đề nghị số 1137/CV-BQL166 ngày 05/8/2026 của Ban Quản lý dự án 166 - Bộ Quốc phòng về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải khu vực thi công Dự án Nâng cấp hạ tầng đảo Thổ Chu;

Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang thông báo thiết lập khu vực thi công công trình “Dự án Nâng cấp hạ tầng đảo Thổ Chu” có thông tin như sau:

**1. Khu vực thi công công trình được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:**

1.1. Khu vực âu tàu

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| AT1      | 09°17'55,00"N | 103°30'16,00"E | 09°17'55,00"N | 103°30'16,00"E |
| AT2      | 09°18'00,60"N | 103°30'25,10"E | 09°18'00,60"N | 103°30'25,10"E |
| AT3      | 09°18'03,20"N | 103°30'29,30"E | 09°18'03,20"N | 103°30'29,30"E |
| AT4      | 09°18'06,20"N | 103°30'34,20"E | 09°18'06,20"N | 103°30'34,20"E |
| AT5      | 09°18'31,50"N | 103°30'36,40"E | 09°18'31,50"N | 103°30'36,40"E |
| AT6      | 09°18'30,90"N | 103°30'34,00"E | 09°18'30,90"N | 103°30'34,00"E |
| AT7      | 09°18'29,80"N | 103°30'28,50"E | 09°18'29,80"N | 103°30'28,50"E |

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| AT8      | 09°18'30,60"N | 103°30'25,40"E | 09°18'30,60"N | 103°30'25,40"E |
| AT9      | 09°18'29,40"N | 103°30'21,00"E | 09°18'29,40"N | 103°30'21,00"E |
| AT10     | 09°18'29,60"N | 103°30'15,55"E | 09°18'29,60"N | 103°30'15,55"E |
| AT11     | 09°18'27,35"N | 103°30'13,47"E | 09°18'27,35"N | 103°30'13,47"E |
| AT12     | 09°18'23,39"N | 103°30'10,40"E | 09°18'23,39"N | 103°30'10,40"E |
| AT13     | 09°18'18,59"N | 103°30'08,81"E | 09°18'18,59"N | 103°30'08,81"E |
| AT14     | 09°18'16,24"N | 103°30'07,44"E | 09°18'16,24"N | 103°30'07,44"E |
| AT15     | 09°18'14,75"N | 103°30'07,29"E | 09°18'14,75"N | 103°30'07,29"E |
| AT16     | 09°18'07,61"N | 103°30'01,79"E | 09°18'07,61"N | 103°30'01,79"E |
| AT17     | 09°18'02,70"N | 103°30'04,21"E | 09°18'02,70"N | 103°30'04,21"E |
| AT18     | 09°18'01,36"N | 103°30'08,98"E | 09°18'01,36"N | 103°30'08,98"E |
| AT19     | 09°17'58,70"N | 103°30'14,65"E | 09°17'58,70"N | 103°30'14,65"E |

### 1.2. Tuyến kẻ khu tôn tạo

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| TT01     | 09°17'51,48"N | 103°30'09,05"E | 09°17'51,48"N | 103°30'09,05"E |
| TT02     | 09°17'55,67"N | 103°30'03,54"E | 09°17'55,67"N | 103°30'03,54"E |
| TT03     | 09°17'59,11"N | 103°30'01,19"E | 09°17'59,11"N | 103°30'01,19"E |
| TT04     | 09°18'00,99"N | 103°30'00,92"E | 09°18'00,99"N | 103°30'00,92"E |
| TT05     | 09°18'03,96"N | 103°29'57,37"E | 09°18'03,96"N | 103°29'57,37"E |
| TT06     | 09°18'05,33"N | 103°29'49,08"E | 09°18'05,33"N | 103°29'49,08"E |

| Tên<br>điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|-------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|             | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| TT07        | 09°18'00,92"N | 103°29'44,40"E | 09°18'00,92"N | 103°29'44,40"E |
| TT08        | 09°17'56,90"N | 103°29'37,21"E | 09°17'56,90"N | 103°29'37,21"E |
| TT09        | 09°17'51,73"N | 103°29'37,52"E | 09°17'51,73"N | 103°29'37,52"E |
| TT10        | 09°17'47,56"N | 103°29'35,84"E | 09°17'47,56"N | 103°29'35,84"E |
| TT11        | 09°17'45,38"N | 103°29'33,46"E | 09°17'45,38"N | 103°29'33,46"E |
| TT12        | 09°17'42,69"N | 103°29'26,36"E | 09°17'42,69"N | 103°29'26,36"E |
| TT13        | 09°17'42,68"N | 103°29'23,38"E | 09°17'42,68"N | 103°29'23,38"E |
| TT14        | 09°17'41,48"N | 103°29'22,02"E | 09°17'41,48"N | 103°29'22,02"E |
| TT15        | 09°17'37,21"N | 103°29'21,45"E | 09°17'37,21"N | 103°29'21,45"E |
| TT16        | 09°17'30,86"N | 103°29'18,65"E | 09°17'30,86"N | 103°29'18,65"E |
| TT17        | 09°17'12,83"N | 103°29'07,32"E | 09°17'12,83"N | 103°29'07,32"E |
| TT18        | 09°17'09,65"N | 103°29'04,38"E | 09°17'09,65"N | 103°29'04,38"E |
| TT19        | 09°17'09,61"N | 103°29'01,46"E | 09°17'09,61"N | 103°29'01,46"E |
| TT20        | 09°17'06,27"N | 103°29'04,08"E | 09°17'06,27"N | 103°29'04,08"E |
| TT21        | 09°17'02,29"N | 103°29'06,04"E | 09°17'02,29"N | 103°29'06,04"E |
| TT22        | 09°16'57,35"N | 103°29'06,03"E | 09°16'57,35"N | 103°29'06,03"E |
| TT23        | 09°16'58,39"N | 103°29'08,83"E | 09°16'58,39"N | 103°29'08,83"E |
| TT24        | 09°16'56,57"N | 103°29'10,43"E | 09°16'56,57"N | 103°29'10,43"E |
| TT25        | 09°16'54,32"N | 103°29'10,79"E | 09°16'54,32"N | 103°29'10,79"E |
| TT26        | 09°16'49,36"N | 103°29'10,06"E | 09°16'49,36"N | 103°29'10,06"E |
| TT27        | 09°16'53,75"N | 103°29'14,28"E | 09°16'53,75"N | 103°29'14,28"E |

| Tên điểm | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|          | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| TT28     | 09°16'59,87"N | 103°29'17,20"E | 09°16'59,87"N | 103°29'17,20"E |
| TT29     | 09°17'06,69"N | 103°29'19,18"E | 09°17'06,69"N | 103°29'19,18"E |
| TT30     | 09°17'19,05"N | 103°29'26,14"E | 09°17'19,05"N | 103°29'26,14"E |
| TT31     | 09°17'29,39"N | 103°29'35,87"E | 09°17'29,39"N | 103°29'35,87"E |
| TT32     | 09°17'38,48"N | 103°29'48,05"E | 09°17'38,48"N | 103°29'48,05"E |
| TT33     | 09°17'45,45"N | 103°29'58,14"E | 09°17'45,45"N | 103°29'58,14"E |
| TT34     | 09°17'48,57"N | 103°30'03,79"E | 09°17'48,57"N | 103°30'03,79"E |

(Số liệu tọa độ do Ban Quản lý dự án 166 - Bộ Quốc phòng cung cấp)

**2. Thời gian thi công:** đến hết ngày 31/12/2029.

**3. Đặc điểm của các phương tiện tham gia thi công:**

| STT | Số đăng ký phương tiện | Đặc điểm tàu                                                             | Mục đích                                                                                                       |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | SG.10788               | - Quốc tịch: Việt Nam<br>- Chiều dài: 18,17 mét<br>- Chiều rộng: 3,5 mét | - Điều tiết giao thông trong khu vực thi công.<br>- Thời gian hoạt động: Đến hết ngày 10/7/2027 <sup>1</sup> . |
| 2   | SG.10506               | - Quốc tịch: Việt Nam<br>- Chiều dài: 8,9 mét<br>- Chiều rộng: 2,35 mét  | - Điều tiết giao thông trong khu vực thi công.<br>- Thời gian hoạt động: Đến hết ngày 22/5/2027 <sup>2</sup> . |

### HƯỚNG DẪN HÀNH HẢI

Tàu thuyền trong quá trình hành hải cần lưu ý giữ khoảng cách an toàn với khu vực thi công nêu trên; duy trì trực canh trên kênh 16 VHF, tăng cường công

<sup>1</sup> Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 00552/26V68, cấp cho tàu SB-02, số đăng ký hành chính SG.10788, có hiệu lực đến ngày 10/7/2027.

<sup>2</sup> Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa số 00556/26V68, cấp cho xuồng cao tốc SB-01, số đăng ký hành chính SG.10506, có hiệu lực đến ngày 22/5/2027.

tác cảnh giới, tuân thủ Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và tuân theo sự hướng dẫn của lực lượng điều tiết tại hiện trường.

**Thông tin về vị trí thi công được đăng tải tại đường link sau đây:**

<https://www.google.com/maps/d/edit?mid=1CByk3zM3mZoZ6D0mT3z1DDNx9nItORc&usp=sharing> hoặc quét mã QR đính kèm:

Để biết thêm thông tin, đề nghị liên hệ Ban Quản lý dự án 166 - Bộ Quốc phòng<sup>3</sup> qua ông Nguyễn Thế Quân, Trưởng phòng ĐHDA5, số điện thoại: 0987 937 116 (hoặc ông Trương Văn Luân, CBKT/Chỉ huy điều tiết, số điện thoại: 0979 242 192)/.



**Nơi nhận:**

- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/c);
- UBND tỉnh An Giang;
- Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển 4;
- BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang;
- Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải miền Nam;
- Chi nhánh Hoa tiêu V;
- Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ;
- Đài thông tin duyên hải TP. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin duyên hải Kiên Giang;
- Đài thông tin duyên hải Cà Mau;
- Các Cảng vụ Hàng hải; Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Các Đại lý hàng hải; Các doanh nghiệp chủ tàu;
- Ban Quản lý dự án 166 – Bộ Quốc phòng;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc;
- Phòng QLKCHT, các Đại diện trực thuộc;
- Website Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Lưu: VT, ATANHH (Tuần).



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Hồ Thanh Sang**

<sup>3</sup> Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3 Điều 47 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.